

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **464** /2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/11/2021.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Ngân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Văn Phó**

Ông **Nguyễn Đức Duy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 860/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 2001

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Thị Mười N**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp TB, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N có mặt, anh T, bà N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn ngày 23/11/2020 và trong biên bản hòa giải ngày 16/4/2021 cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Minh T chung sống với nhau vào đầu năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi vã nhau. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh T nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 18/7/2019. Hiện nay chị đang nuôi con chung. Chị yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung: Có 10 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k là vàng cưới của vợ chồng, cụ thể gồm: Dây chuyền+ mặt dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, 02 chiếc vòng đeo tay 04 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24k, 02 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 18k (mỗi chiếc 0,5 chỉ vàng 18k).

Đối với 02 chiếc nhẫn và đôi bông chị đã bán, khi bán chị có nói cho anh T biết nên chị không yêu cầu chia. Còn lại 09 chỉ vàng 24k chị đưa anh T giữ. Chị yêu cầu chia cho chị 4 chỉ 05 phân vàng 24k.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản khai ngày 24/12/2020 bà biên bản hòa giải ngày 16/4/2021 anh Nguyễn Minh T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của Chị N về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. anh đồng ý ly hôn với Chị N.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 18/7/2019. Hiện nay Chị N đang nuôi con chung, anh đồng ý để Chị N tiếp tục nuôi con chung, anh không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có số vàng cưới gồm: Dây chuyền+ mặt dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, 02 chiếc vòng đeo tay 04 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24k, 02 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 18k (mỗi chiếc 0,5 chỉ vàng 18k).

Đôi bông tai và cặp nhẫn cưới Chị N đã bán, anh không có ý kiến gì, anh không yêu cầu gì. Còn lại 09 chỉ vàng 24k. Sau khi cưới Chị N đưa cho anh giữ, anh đã bán hết để trả nợ cho cô ruột là bà Nguyễn Thị U, vì lúc cưới anh mượn bà Nguyễn Thị U 50.000.000đồng là nợ chung của vợ chồng. Khi bán vàng Chị N cũng không biết. Anh không đồng ý chia vì đã bán hết không còn.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản khai ngày 12/3/2021 bà Nguyễn Thị Mười N (tên thường gọi là Nguyễn Thị U) trình bày: Bà là cô út của Thuận, bà có nhận được thông báo của Tòa án về việc ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Minh T. Thuận cho rằng có mượn của bà 50.000.000đồng là hoàn toàn không có, từ trước đến nay bà không có cho Thuận mượn số tiền nào và anh T cũng không có trả cho bà khoản tiền nào. Đối với việc hôn nhân của Chị N và anh T bà không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về chấp hành qui định của pháp luật tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng qui định, bị đơn chưa thực hiện đúng qui định về quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N, cho Chị N được ly hôn với anh T, giao con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 18/7/2019 cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng. Thực hiện cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật Về tài sản chung: Buộc anh T phải chia cho Chị N 4,5 chỉ vàng 24k , thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “ Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 16/4/2021 và trong quá trình Tòa án giải quyết chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Minh T trình bày thống nhất nhau, anh chị chung sống với nhau vào đầu năm 2019, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và sống ly thân nhau từ tháng 02/2020 cho đến nay. Chị N và anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn là không có nên cả hai thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử công nhận

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 18/7/2019. Hiện nay, Chị N đang nuôi con chung. Chị N và anh

T thống nhất giao con chung cho Chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy nuôi con là trách nhiệm chung của cha và mẹ. Nay Chị N trực tiếp nuôi con thì anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, việc anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con là không phù hợp với quy định của pháp luật và trái đạo đức xã hội. Vì vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi của đứa trẻ và anh T cũng thực hiện được nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung: Chị N và anh T thống nhất số tài sản chung anh T cất giữ là 09 chỉ vàng 24k gồm: Dây chuyền+ mặt dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, 02 chiếc vòng đeo tay 04 chỉ vàng 24k. Chị N yêu cầu chia đôi, anh T không đồng ý với lý do anh đã bán hết để trả nợ cho cô ruột là bà Nguyễn Thị Mười N số tiền 50.000.000đồng, đây là nợ chung của vợ chồng nay không còn. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh T khai nhận sau khi cưới anh là người cất giữ số vàng trên và sau đó anh đã bán để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Mười N, khi bán anh không nói cho Chị N biết. Tuy nhiên, tại bản khai ngày 12/3/2021 của bà N thì bà cho rằng bà không có cho anh T mượn khoản tiền nào, anh T cũng không có trả tiền cho bà. Xét thấy, ngoài lời khai nại trên, anh T không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh và lời trình bày này cũng không được Chị N thừa nhận. Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của anh T và nhận định anh T hiện đang quản lý 09 chỉ vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng. Xét yêu cầu của Chị N là yêu cầu anh T chia 04 chỉ 05 phân vàng 24k là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí;

Hội đồng xét xử căn cứ giá vàng trên thị trường tại thời điểm xét xử là 5.200.000đồng/chỉ vàng 24k để tính án phí cho mỗi đương sự .

Đối với anh Nguyễn Minh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 18/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 12/2021 cho đến khi cháu Trần thành niên và lao động được

Anh Nguyễn Minh T được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản: Buộc anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ chia cho chị Nguyễn Thị Hồng N 04 chỉ 05 phân vàng 24k (vàng 98%). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.170.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 1.470.000đồng, Chị N đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00036654 và 625.000.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003665 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên chị phải nộp thêm 545.000đồng.

Anh T phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 1.170.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 1.470.000đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Mười N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV

ĐÃ KÝ

Võ Thị Thu Ngân